

**Giải phóng mặt bằng - một vấn đề xã hội
trong cải tạo đô thị
(TRƯỜNG HỢP PHƯỜNG KIM MÃ).**

NGA MY – TÓ HẠNH

Trong giai đoạn hiện nay, sự phát triển nhanh chóng của các lĩnh vực sản xuất và đời sống của một đô thị đòi hỏi phải nhanh chóng đổi mới cơ sở hạ tầng vốn đã cũ nát và quá tải. Việc cải tạo cơ sở hạ tầng một thành phố cũ lại gặp phải một vấn đề hết sức gay gắt: mặt bằng xây dựng. Quả thực, giải phóng mặt bằng cho xây dựng cơ bản hạ tầng đô thị là công việc hết sức khó khăn và phức tạp. Nó động chạm đến nhiều vấn đề, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của hàng ngàn, thậm chí hàng vạn người dân đang sinh sống yên ổn trên phần đất cần giải tỏa.

Vì thế, tìm hiểu ý kiến, nguyện vọng của người dân trước khi có các quyết định về việc chuyển cư, giải phóng mặt bằng xây dựng là việc làm cần thiết đối với các nhà lãnh đạo, quản lý, qui hoạch đô thị ở thành phố.

Bài viết này là kết quả khảo sát trường hợp (case study) phường Kim Mã, nằm trên tuyến Cầu Giấy- Hùng Vương nối liền sân bay Nội Bài với trung tâm Thủ đô Hà Nội. Đây là một tuyến đường lớn nằm trong quy hoạch, phải giải tỏa một số lớn hộ gia đình để đảm bảo cho việc thi công công trình theo qui hoạch.

1) Mô tả địa điểm khảo sát.

Phường Kim Mã nằm trên trục đường từ phố Sơn Tây-Kim Mã tới Cầu Giấy, bao gồm phố Sơn Tây, Kim Mã, làng Vạn Phúc, làng Kim Mã và một phần làng Xuân Biều.

Ở cách trung tâm thành phố khoảng 3 km, khu vực ngã ba Nguyễn Thái Học-Sơn Tây giống như một trung tâm nhỏ ở phía tây thành phố với hàng loạt các cửa hàng nhỏ và đông đúc Chợ Ngọc là và bến ô tô Kim Mã hàng ngày nhận khách đi các tỉnh phía Tây và đến Hà Nội. Các cửa hàng, nhà trọ... rất thuận lợi cho việc mua bán, đi lại của khách từ tỉnh xa đi và đến.

Dân cư ở đây chủ yếu là dân lao động, làm các nghề tự do (dịch vụ cho bến xe), bán hàng nước, hàng ăn, hàng tạp phẩm và các cán bộ công nhân viên nhà nước.

Cuộc khảo sát được tiến hành bằng cách phỏng vấn sâu 10 hộ gia đình ở phố Sơn Tây và Kim Mã nằm trong diện phải di chuyển. Trong đó có 4 gia đình hạt nhân, 6 gia đình mở rộng (2 gia đình 4 thế hệ). Hai gia đình quê quán ở Kim Mã, 8 gia đình còn lại đều là người từ nơi khác đến. Người đến sớm nhất vào năm 1958, người đến chậm nhất vào năm 1989. Nhìn chung các hộ đã ở phường này trên 20 năm, coi đây là quê hương thứ hai của mình.

Chủ hộ phần lớn ở độ tuổi 45-65. Trong đó có 6 hộ cả hai vợ chồng đều về hưu hoặc về mất sức; 2 hộ có 1 người đang làm việc nhà nước, còn 1 người đã về nghỉ, 2 hộ mà chủ hộ chưa đi làm nhà nước bao giờ, một người làm nghề cắt tóc, một người chữa xe đạp.

Về thu nhập: Tất cả các hộ đều dựa vào nguồn thu nhập chính là từ cửa hàng của gia đình, vì họ đều có nhà mặt đường. Còn khoản lương hưu và lương mất sức thì không đáng kể, chỉ trong khoảng 70.000-100.000 đ/tháng. Tuy nhiên, cả 10 hộ đều ở diện buôn bán nhỏ, dịch vụ đơn giản, thu nhập chỉ đủ chi dùng hàng ngày chứ không thể có thu nhập cao, có khoản tích lũy hoặc làm giàu. Đây là điểm khác biệt so với những nhà mặt đường ở các phố trung tâm hoặc các phố buôn bán sầm uất khác.

Về địa bàn và nhà ở: Trước kia, khu vực phường Kim Mã gồm một phần phố Sơn Tây, Kim Mã, một phần làng Vạn Phúc. Cách đây hơn 20 năm, một phần khu vực Sơn Tây, Kim Mã nằm ngoài đê là khu vực thấp, bùn lầy nước đọng, nền thấp hơn so với lòng đường khoảng 1 mét, không có điện, nước máy, kể cả máy công cộng. Máy nước gần nhất ở vị trí bệnh viện Xanh Pôn bây giờ (cách khoảng 1-2 km).

Các gia đình tới đây đều đã phải cải tạo lại nơi ở. Một nhà đến đây từ năm 1967, có nhà lá nằm sát chân đê, không có khu phụ, bếp che tạm ở ngoài hiên nhà, khi tắm phải quây chiếu. Trời mưa, nền nhà thấp bị lầy lội, bẩn thỉu. Nước ăn là nước giếng. Những năm tiếp theo, gia đình phải mua cát đổ nền cho bằng phẳng và thoát nước. Nước tắm rửa lúc đó vẫn phải dùng nước ruộng. 10 năm sau, thời gian 1977-1978, gia đình mới xây nhà gạch, mái ngói, sàn xi măng. Năm 1992, gia đình người con cả mới có tiền để đổ mái bằng, lát đá hoa căn phòng 14 m² của mình và xây hồ xí tự hoại cho cả hộ.

Một trường hợp khác, có gia đình mua nhà từ năm 1958, nhà lá, nền thấp hơn hiện nay 1 mét. Năm 1975 mới đổ nền nhà. Năm 1983 vay tiền xây nhà ngói. Cho đến bây giờ nhà vẫn chỉ là nhà ngói 1 tầng, không trần, không có khu phụ. Nắng thì nấu ăn ở ngoài sân, mưa bê bếp vào nhà. Tắm thì quây chiếu, vệ sinh công cộng. Tổng diện tích của cả gia đình là 46 m² có 9 người bao gồm 4 thế hệ. Năm 1983 họ mới có nước máy để dùng.

Về sở hữu nhà: Trong 10 hộ được phỏng vấn, chỉ có 1 hộ thuê nhà của tư nhân, với tiền thuê rất rẻ (trước đây: 400 đ/tháng, hiện nay 1000 đ/tháng); còn lại 8 hộ đều là nhà sở hữu tư nhân, có đầy đủ giấy tờ; 1 hộ mua hỏa hồng của người khác được cơ quan bán hóa giá nhà cấp 4 nên chưa cả hộ khẩu chính thức. Hầu hết các gia đình đến đây đã khá lâu (7 hộ trên 20 năm, 2 hộ đến năm 1987, 1 hộ đến năm 1989).

Theo phong tục, đất đai của bố mẹ sẽ được chia cho con khi họ mất đi. Song việc thừa kế thường không có di chúc rõ ràng. Nay nhà đất đang ở, chưa có chuyện gì căng thẳng xảy ra. Nhưng nếu di chuyển, sẽ động đến vấn đề chia tài sản cho các con khá phức tạp.

Về loại nhà và chất lượng nhà: Giống như phần lớn các phố ở Hà Nội, nhà ở trong khu vực phố Sơn Tây-Kim Mã nằm dọc theo hai bên đường với lòng đường và vỉa hè hẹp. Dãy nhà sát đường cao, song vào sâu phía trong thấp dần. Trước đây dân nghe ngóng được là dãy nhà bên số chẵn nằm trong qui hoạch mở đường của thành phố nên một số gia đình có khả năng cũng không xây nhà cao tầng hay kiên cố. Vì thế phần lớn đều là nhà 1 tầng hoặc cấp 4, kiến trúc đơn giản, thiếu tiện nghi. Một số nhà âm thấp, ọp ẹp, do lâu ngày không gia cố, sửa sang. Trên cả đoạn đường từ ủy ban nhân dân phường tới ngã ba Kim Mã-Nguyễn Thái Học (gần 1 km chỉ có 3-4 nhà 2 tầng cũ).

Về công trình phụ: Trong 10 hộ được khảo sát, chỉ có 4 gia đình có bếp, xí, tắm riêng. Còn 6 gia đình không có hệ thống khu phụ, nhà vệ sinh phải đi ra nơi công cộng, nhà tắm phải dùng chung hoặc tắm tạm bợ ở sân, vườn, khoảng trống giữa hai phòng, bếp thì tiện đâu nấu đấy: sân, góc nhà, ngoài vườn... Nói chung mọi thứ đều tạm bợ, vất vả, không ổn định.

2) Phản ứng của người dân xung quanh việc chuyển cư giải phóng mặt bằng.

Trong thời gian qua, Hà Nội đã sửa sang, nâng cấp và mở rộng nhiều tuyến đường giao thông xung yếu. Đây là những công trình đòi hỏi sự đầu tư công sức, tiền của khá lớn. Mặt khác hoạt động này cũng tác động nhiều đến đời sống và sinh hoạt của nhân dân, nhất là các nhóm đến cư trên địa bàn phải giải tỏa, làm xáo trộn, thậm chí làm thay đổi hẳn cuộc sống của mỗi cá nhân, mỗi gia đình.

Việc mở đường Cầu Giấy-Hùng Vương liên quan đến 3 phường: Cầu Giấy, Kim Mã, Điện Biên. Tuy đoạn đường mở ở phường Kim Mã chỉ hơn 1 km nhưng số hộ phải di chuyển là lớn nhất: hơn 500 hộ trong số 840 hộ của cả 3 phường.

Thành phố dự định thực hiện giải tỏa và làm đường trong thời hạn ba năm, từ tháng 9-1992 đến tháng 9-1995 với số vốn đầu tư khoảng 62 tỉ. Điều khó khăn nhất trong quá trình thực hiện là vấn đề đền bù và đi dân đến nơi ở mới.

Qua ý kiến các hộ gia đình được khảo sát, có thể thấy rằng chủ trương nâng cấp, mở rộng đường được nhân dân ở đây ủng hộ. Tâm trạng của họ thể hiện sự phấn khởi trước sự đổi mới của đất nước nói chung. Tuy nhiên, kèm theo sự phấn khởi đó là những lo lắng về những gì có liên quan đến gia đình, bản thân người dân. Đã xuất hiện những phản ứng khác nhau khi được nghe thông báo qua loa truyền thanh của phường. Những tâm trạng, phản ứng này xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế, xã hội, điều kiện nhà ở... của mỗi gia đình cụ thể. Song hai vấn đề nổi lên hàng đầu mà tất cả các gia đình thuộc diện phải di chuyển đều quan tâm là di chuyển đi đâu và chế độ đền bù như thế nào. Đây có lẽ cũng là hai vấn đề lớn nhất mà tất cả những cuộc di dân, không chỉ ở đô thị mà cả ở nông thôn đều phải tính đến, vì lợi ích của người ra đi.

Ở Phường Kim Mã, cho đến đầu tháng 3-1993, dân vẫn chưa được họp lần nào để được nghe thông báo chính thức về vấn đề này. Họ muốn trong cuộc họp dân có mặt các vị lãnh đạo thành phố, đại diện các phòng, ban, sở có liên quan để ý kiến của họ trực tiếp đến được với cấp trên. Thế nhưng đòi hỏi chính đáng này cũng chưa được đáp ứng.

Về những đặc điểm kinh tế-xã hội của dân cư, tại địa bàn khảo sát, nhìn chung người dân có học vấn thấp, chủ yếu trình độ cấp 2, chỉ có 3 gia đình có người ở trình độ đại học. Địa vị xã hội của họ không cao, phần lớn là công nhân, thu nhập thấp, và không ổn định, tiền trợ cấp quá nhỏ so với mức chi tiêu trong gia đình. Do đó họ phải tìm các nguồn thu nhập khác để tồn tại. Thuận lợi cơ bản nhất của họ là có nhà mặt đường. Tất cả các hộ đều mở quầy dịch vụ, buôn bán nhỏ hay bán hàng ăn. Thu nhập từ nguồn này không lớn lắm nếu so với các phố làm ăn buôn bán khác nhưng vẫn là nguồn thu chính của gia đình. Trong giai đoạn "bung ra" của thương nghiệp dịch vụ, đó là lợi thế kinh tế quan trọng. Có cả những "đại gia đình" sống bám vào mặt đường này. Vì thế họ gắn bó với mảnh đất này, không chỉ như một nơi cư trú mà còn là một chốn mưu sinh. Do vậy, điều đầu tiên mà họ muốn biết là họ sẽ phải chuyển đi đâu, nơi đó có thuận lợi cho làm ăn sinh sống không?

Để duy trì cuộc sống bình thường, tất cả các gia đình đều muốn được chuyển đến nơi nào nằm trên trục đường giao thông theo nguyên tắc nhà mặt đường được trả mặt đường để tiếp tục công việc làm ăn cũ, tránh xáo trộn lớn trong đời sống và sinh hoạt gia đình.

Chỉ thị ngày 14-12-1992 của ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng cơ bản có khẳng định: "ưu tiên dành những lô đất thích hợp để di chuyển dân, tránh phải đưa dân đi ở xa...". Người dân ở đây đã nắm được thông tin này và rất phấn khởi. Họ đã làm đơn với hơn 100 chữ ký gửi đến ủy ban nhân dân phường, quận, thành phố, trung ương. Trong đơn họ đã đề xuất một vài địa điểm có thể đền bù cho dân, thuận

lợi cho cuộc sống sinh hoạt.

Thế nhưng, đến nay các gia đình vẫn chưa nhận được trả lời của cấp trên. Đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân phường, ủy viên Hội đồng đền bù cho biết là thành phố đã chấp nhận 3 địa điểm có thể di dân đến là Công Vị, Phúc Xá và Vĩnh Phúc. Những nơi này chưa được công bố chính thức bằng văn bản mà chỉ mới được đề cập đến trong Hội đồng đền bù. Tuy nhiên, bằng nhiều nguồn, dân đã biết được thông tin này và rất băn khoăn lo lắng. Theo họ, đây là những nơi xa xôi hẻo lánh, ẩm thấp, rất khó khăn cho cuộc sống tương lai. Thế nhưng đáp ứng được nguyện vọng của dân, để họ di chuyển đến những nơi họ muốn lại là việc không đơn giản. Nó đụng chạm đến nhiều vấn đề, liên quan nhiều đến các cơ quan, đơn vị nhà nước, ảnh hưởng tới các mặt quản lý, qui hoạch đô thị. Vì thế, cân nhắc lựa chọn khu đất sao cho vừa thỏa mãn yêu cầu của dân, vừa tuân thủ qui hoạch tổng thể của thành phố là việc hết sức phức tạp, đòi hỏi các nhà lãnh đạo có những quyết định đúng đến kịp thời, đảm bảo cho dân mau chóng được an cư lạc nghiệp và tuyến đường nhanh chóng được thi công.

Vấn đề thứ hai mà dân quan tâm là chế độ đền bù. Nếu như nhà nước không lo đủ mặt bằng để di dân thì có thể bồi thường một khoản tiền nào đấy để dân tự lo chỗ ở. Nguyện vọng của dân là nhà nước trả sát giá thị trường để họ có đủ tiền mua chỗ ở khác tương ứng, tránh áp đặt máy móc chung chung gây thiệt thòi cho họ. Họ cũng muốn chuyện đền bù phải công khai và công bằng, tránh lập lờ ú ớ, đánh đồng mọi trường hợp. Theo họ, nhà do cha mẹ để lại hoặc là nhà tự bỏ tiền ra mua thì không thể được đền bù như những gia đình lấn chiếm đất công hoặc "nhảy dù" không có hộ khẩu. Thiết nghĩ, những yêu cầu này của dân là chính đáng. Tuy nhiên việc giải quyết cũng không phải dễ dàng bởi đây là vấn đề gay gắt nhất, dễ gây nhiều thắc mắc và tiêu cực nhất.

Thông báo ngày 6-11-1992 của ủy ban nhân dân thành phố có ghi: "Việc đền bù nhà cửa sẽ căn cứ giá trị thực tế còn lại, không tính giá trị đất. Vì các hộ ở hợp pháp đã được nhận phần đất có vị trí tương tự". Thông báo cũng cho biết:

Nếu đất thổ cư hợp pháp vượt định mức đất ở và đã làm nghĩa vụ thuế đầy đủ thì phần vượt trội được xem xét trợ cấp. 20.000 đ/m². Phần nằm trong định mức đất ở 50.000 đ/m² với điều kiện không nhận đất do nhà nước đền bù.

- Giao vốn giải phóng mặt bằng cho ủy ban nhân dân quận, huyện. Những hộ dân thuộc diện ưu tiên trong giải phóng mặt bằng được giành tỉ lệ nhất định thuê theo giới kinh doanh hoặc mua đấu giá có ưu đãi để làm dịch vụ.

- Chậm nhất 15-11-1992 công bố công khai và có sơ đồ các trục tuyến để nhân dân biết.

Theo thông báo này, giá cả ước định đền bù là quá thấp, khác xa so với giá cả thị trường. Người dân trong phường đã nêu thắc mắc: nhà nước xuất phát từ đâu để đưa ra biểu giá này và hiện nay định mức đền bù ấy có còn giá trị hay không? Và tại sao cho đến ngày 15-11-1992 dân vẫn chưa được họp để nghe thông báo công khai.

Việc giải phóng mặt bằng, mở rộng và nâng cấp tuyến đường Cầu Giấy-Hùng Vương dự kiến thực hiện trong 3 năm với tổng số vốn đầu tư là 62 tỉ đồng. Trong đó giành 40 tỉ cho việc di dân, giải phóng mặt bằng. Theo các đồng chí lãnh đạo, có khoảng 840 gia đình thuộc diện phải di chuyển. Nếu chia trung bình, mỗi gia đình sẽ được đền bù khoảng 47 triệu, tức 1 n cây vàng. Trong khi đó các gia đình, căn cứ vào giá cả thị trường hiện nay, đánh giá giá trị ngôi nhà của mình đều từ 3-4 chục cây đến hơn 100 cây vàng. Vậy thì khoảng cách quá lớn giữa định mức có thể được đền bù với giá trị thực của ngôi nhà đã nảy sinh một vấn đề nan giải: ai sẽ bù lại cho dân khoản chênh lệch đáng kể này. Với đồng tiền

eo hẹp do nhà nước đền bù, làm sao họ có thể xoay sở cho mình một nơi ở khả dĩ tiếp tục một cuộc sống bình thường. Thế nhưng nếu trả cho dân theo sát giá thị trường thì nhà nước phải đầu tư một khoản tiền khổng lồ mà không một nguồn kinh phí nào có thể chịu đựng được

Một khi buộc phải di chuyển theo các quyết định của chính quyền, người dân thường đòi hỏi được đền bù ít nhất là bằng với giá trị tài sản mà họ đã mất đi. Bất cứ gia đình nào rơi vào hoàn cảnh này cũng vậy, từ gia đình thường đến gia đình quan chức, từ nhà nghèo đến nhà giàu.

Trong việc đền bù, các gia đình đều quan tâm, tham khảo giá cả ở những nơi khác cũng ở trong diện giải tỏa như đường Đại Cồ Việt, quán Cây Dừa ở phố Lê Lai thành phố Hồ Chí Minh. Họ đã đưa ra một số dẫn chứng và đòi hỏi sự công bằng, dân chủ và đúng pháp luật. Qua một số cuộc giải tòa trước đây họ thấy nhà nước chưa kiên quyết việc thực hiện quá trình giải phóng mặt bằng. Những người đi trước thì được đền bù ít, những người chống đối, cố tình dây dưa thì được đền bù nhiều. Vì thế, yêu cầu đầu tiên trong việc đền bù phải bảo đảm công bằng, công khai, nghiêm túc, có lý có tình. Có như vậy mới đem lại niềm tin cho người dân, khiến họ sẵn sàng chấp nhận những quyết định của chính quyền.

Ngoài hai vấn đề là địa điểm di dân và định mức đền bù, người dân còn rất quan tâm đến việc xác định rõ chỉ giới mở đường, muốn biết bề ngang mặt đường là bao nhiêu mét. Bởi vì điều này ảnh hưởng rất lớn đến lợi ích sống còn của họ. Nếu mặt cắt hẹp, họ vẫn còn khoảng 2-3 m cho tới 5-7 m chiều sâu và vẫn có thể mở cửa hàng, cơ hội kiếm sống vẫn không mất đi. Nếu mặt cắt đường rộng, nhiều gia đình sẽ mất hết nhà, phải chuyển hoàn toàn đi nơi khác,...điều kiện sống thay đổi, chưa biết cuộc sống tương lai ra sao.

Theo một số gia đình, cho đến nay mặt cắt ngang đường là bao nhiêu mét vẫn chưa rõ ràng. Thông báo của ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 11-3-1992 cho biết: Đoạn từ Trường đội Lê Duẩn đến trước Buu điện Kim Mã có mặt cắt ngang rộng 23m. Nhưng nhân dân lại nghe tin là mở rộng 33m. Có hộ gia đình, người ta lại cắm mốc 43m. Con số bề ngang mặt đường này không nhất quán khiến nhiều người hoang mang lo ngại. Nhất là họ lại chưa được họp bàn với các cấp có thẩm quyền. Mặc dù phường đã phát bản tự kê khai. Họ cho rằng mở con đường quan trọng mà không họp dân, cho lực lượng công an đến thúc dân kê khai, cử người đến cắm mốc là phạm nhân quyền. Kiến nghị của nhân dân phường Kim Mã năm 1992 gửi lên phường, quận, thành phố và trung ương đã đòi hỏi đảm bảo cho dân quyền "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", đề nghị các cơ quan nhà nước phải giải quyết công việc theo hiến pháp và pháp luật. Họ rất bất bình trước cách làm việc tùy tiện, có tính chất áp đặt, thiếu dân chủ, thiếu tôn trọng nhân dân của một số cán bộ có thẩm quyền. Thiết nghĩ, nếu có quan điểm chỉ đạo thống nhất, với cách làm công tác tư tưởng thấu tình đạt lý, thì dù còn nhiều mắc mớ bản khoản, người dân cũng dễ có thái độ nhận, hợp tác với các cấp chính quyền trong tiến trình giải phóng mặt bằng.

3/ Một số vấn đề đặt ra từ cuộc khảo sát

Trước tiên là mâu thuẫn giữa lợi ích quốc gia và lợi ích gia đình, tập thể và cá nhân. Mâu thuẫn này xuất hiện ở tất cả những nơi nào phải di dân để thực hiện các công trình của nhà nước. Người dân nhận thức rõ tầm quan trọng của việc mở đường trong quá trình đổi mới. Họ xác định được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong việc tham gia vào quá trình bày và sẵn sàng ủng hộ mọi chủ trương, chính sách của nhà nước. Một mặt họ được hưởng những thành quả của đổi mới khi đất nước phát triển đi lên. Nhưng mặt khác, không ít gia đình bị thiệt thòi, đặc biệt bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vật chất, tinh thần nếu

phải di chuyển nơi cư trú. Đây là vấn đề khá nan giải mà các nhà lãnh đạo, quản lý và qui hoạch đô thị. Vì vậy, để đạt được mục tiêu đề ra, cần phải tính đến tâm tư, nguyện vọng của người dân trước khi đưa ra những quyết định, vừa đảm bảo lợi ích chính đáng của người dân, vừa tránh lãng phí, đảm bảo hiệu quả kinh tế cho công trình xây dựng.

Vấn đề thứ hai là đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, tránh cưỡng chế, áp đặt. Một khi có tị khúc mắc, mập mờ, dân thiếu tin tưởng sẽ xuất hiện những phản ứng hoặc công khai, hoặc ngầm ngấm, gây trở ngại trong tiến trình thực hiện.

Vấn đề thứ ba là dân đã xác định mình phải chuyển đi nên có ý nghĩ chỗ ở hiện nay là tạm bợ. Trong điều kiện như vậy, mọi việc cần được giải quyết nhanh gọn để sớm ổn định cuộc sống, an cư lạc nghiệp. Đó là nguyện vọng tự nhiên của mỗi người, mỗi nhà. Vấn đề thứ tư là cần đề phòng các hiện tượng tiêu cực trong các cơ quan hữu trách khi thực hiện việc giải tỏa mặt bằng. Đã có dư luận của nhân dân về chuyện tham ô của một vài cá nhân trong công việc. Người dân muốn giảm bớt nhiều cấp trung gian, được làm việc trực tiếp với thành phố. Đây là yêu cầu rất cần được lưu ý và xem xét.



*Tọa đàm về vai trò của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học
giữa các cán bộ nữ của Viện Xã hội học*